

---

**TCCS**

---

**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**



**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**

**TCCS 10: 2009/CHK**

**TIÊU CHUẨN GIÁM SÁT KHAI THÁC VÀ ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN BAY ĐỐI VỚI TÀU BAY DÂN DỤNG CỦA NGƯỜI  
KHAI THÁC NƯỚC NGOÀI**

**HÀ NỘI - 2009**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4407/QĐ-CHK**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2009*

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Tiêu chuẩn cơ sở  
“Tiêu chuẩn giám sát khai thác và đủ điều kiện bay đối với tàu bay  
của người khai thác nước ngoài”

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Quyết định số 94/2009/QĐ-TTg ngày 16/07/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2009/CHK “Tiêu chuẩn giám sát khai thác và đủ điều kiện bay đối với tàu bay của người khai thác nước ngoài”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Vụ KHCN Bộ GTVT;
- Phòng: QLCHKS, KHĐT, QLDA NSNN;
- Các Cảng vụ HK miền Bắc, Trung, Nam;
- Các TCT cảng HK miền Bắc, Trung, Nam;
- TCT Hàng không VN;
- TCT Bảo đảm hoạt động bay;
- Lưu VT, Phòng KHCN. nnt 15bn

**KT CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**  
*(Đã ký)*

**Lại Xuân Thanh**

## LỜI NÓI ĐẦU

TCCS 10: 2009/CHK Được biên soạn trên cơ sở các quy định và tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO Annex 6 Phần 1 Chương 3, Mục 3.2: Yêu cầu về việc tuân thủ luật, quy định và các quy trình của quốc gia thành viên đối với tàu bay của người khai thác nước ngoài.
2. Tài liệu hướng dẫn quy trình kiểm tra, cấp giấy chứng nhận và tiếp tục giám sát an toàn đối với người khai thác tàu bay vận tải thương mại. Phần VI hướng dẫn về việc kiểm tra, giám sát đối với tàu bay của người khai thác nước ngoài (ICAO, Doc 8335 Manual of procedures for operations inspection, certification and continued surveillance. Part VI).
3. Tài liệu hướng dẫn về giám sát an toàn đối với tàu bay của người khai thác nước ngoài theo chương trình hỗ trợ của ICAO dành cho các nước Đông nam Á (COSCAP – SEA).

## MỤC LỤC

### CHƯƠNG A NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng
2. Định nghĩa
3. Các chữ viết tắt
4. Yêu cầu việc tuân thủ các quy định về an toàn đối với tàu bay của người khai thác nước ngoài

### CHƯƠNG B CÁC YÊU CẦU BẮT BUỘC

1. Tuân thủ các quy tắc bay và quản lý vùng trời của Việt Nam
2. Tàu bay đang khai thác và dự định khai thác (loại tàu bay, dấu hiệu và đăng ký quốc tịch)
3. Sân bay đang khai thác và dự định khai thác
4. Đường bay đang khai thác.

### CHƯƠNG C GIẤY TỜ, TÀI LIỆU MANG THEO TÀU BAY

1. Giấy tờ, chứng chỉ phải mang theo tàu bay
2. Tài liệu phải mang theo tàu bay

### CHƯƠNG D PHƯƠNG TIỆN VÀ THIẾT BỊ

1. Ngoài quy định theo yêu cầu trong Giấy chứng nhận, tàu bay nước ngoài đi và đến Việt Nam phải trang bị hệ thống liên lạc và dẫn đường theo phụ ước 6 phần 1 của Tổ chức hàng không quốc tế (ICAO)
2. Ngoài quy định tại mục (1) của theo phụ ước 6 phần 1 (ICAO) tàu bay phải trang bị:
  - Hệ thống sưởi không tốc;
  - Ra đa hỏi đáp thứ cấp;
  - Ra đa thời tiết;
  - Hệ thống cảnh báo gần mặt đất;
  - Thiết bị cảnh báo bằng lời;
  - Thiết bị cảnh báo độ cao;
  - Hệ thống chống va chạm trên không.

### CHƯƠNG E BÁO CÁO

### CHƯƠNG F THỰC HIỆN KIỂM TRA

1. Chương trình kiểm tra;
2. Thẩm quyền được kiểm tra;
3. Cung cấp tài liệu cho công việc kiểm tra;
4. Lưu trữ báo cáo, tài liệu và hồ sơ;
5. Tàu bay không đủ điều kiện hoặc thành viên tổ bay không đủ tiêu chuẩn;
6. Thông báo việc không phù hợp;

PHỤ LỤC 1	PHÂN LOẠI CÁC PHÁT HIỆN CHƯA PHÙ HỢP
PHỤ LỤC 2	MẪU BÁO CÁO KIỂM TRA TÀU BAY TẠI SÂN ĐỒ
PHỤ LỤC 3	DANH MỤC KIỂM TRA TÀU BAY TẠI SÂN

## CHƯƠNG A – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định những yêu cầu áp dụng đối với tàu bay dân dụng nước ngoài khai thác vận tải thương mại tại Việt Nam, cụ thể là:

- a) Đối với tàu bay dân dụng đăng ký quốc tịch nước ngoài của cá nhân, tổ chức không có quyền cư trú tại Việt Nam; hoặc
- b) Đối với việc kinh doanh vận tải hàng không của người khai thác tàu bay nước ngoài.

### 2. Định nghĩa

**2.1. Nhà chức trách Hàng không nước ngoài:** nhà chức trách hàng không dân dụng của quốc gia đăng ký hoặc quốc gia của người khai thác tàu bay.

**2.2. Người khai thác tàu bay nước ngoài:** người khai thác tàu bay vận tải thương mại đã được quốc gia của người khai thác tàu bay nước ngoài cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC) và được phép khai thác trên lãnh thổ của nước khác.

**2.3. Tàu bay dân dụng nước ngoài:** tàu bay dân dụng tiến hành hoạt động khai thác bay thương mại trên vùng trời thuộc lãnh thổ Việt Nam, đi và đến Việt Nam mang quốc tịch nước ngoài.

**2.4. Thừa nhận hiệu lực:** Cục Hàng không Việt Nam thừa nhận hiệu lực của một giấy chứng nhận, giấy phép, phê chuẩn, chỉ định hoặc cấp phép do quốc gia thành viên khác của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (viết tắt tiếng Anh là ICAO) ban hành để làm cơ sở chính cho việc ban hành giấy chứng nhận, giấy phép, phê chuẩn, chỉ định, hoặc cho phép bao gồm những quyền hạn tương tự hoặc hạn chế hơn.

**2.5. Công nhận hiệu lực giấy phép:** Cục Hàng không Việt Nam, thay cho việc ban hành giấy phép của mình, chấp nhận giấy phép do một Quốc gia thành viên ICAO khác ban hành có giá trị tương đương với giấy phép của mình.

**2.6. Công nhận hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay:** Cục Hàng không Việt Nam, thay cho việc ban hành Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của mình, bằng cách chấp nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Quốc gia thành viên ICAO khác ban hành có giá trị tương đương với Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của mình.

**2.7. Quốc gia thiết kế tàu bay:** Quốc gia có quyền phê chuẩn Giấy chứng nhận loại và tất cả các Giấy chứng nhận loại bổ sung cho tàu bay, hoặc phê chuẩn thiết

kế của thiết bị tàu bay.

**2.8. Quốc gia sản xuất tàu bay:** Quốc gia có quyền tài phán đối với việc lắp ráp tàu bay, phê chuẩn sự tuân thủ của tàu bay đối với Giấy chứng nhận loại và tất cả các giấy chứng nhận loại bổ sung còn hiệu lực, các chuyến bay thử, và phê chuẩn cho đưa vào khai thác.

**2.9. Quốc gia đăng ký tàu bay:** Quốc gia thành viên ICAO đã đăng ký tàu bay vào sổ đăng bạ của mình.

**2.10. Quốc gia người khai thác tàu bay:** Quốc gia nơi người khai thác tàu bay thực hiện hoạt động kinh doanh chính hoặc, nếu không nơi kinh doanh chính như vậy, thì là nơi người khai thác tàu bay đăng ký thường trú.

**2.11. Khai thác vận tải hàng không thương mại:** việc khai thác tàu bay liên quan đến vận chuyển hành khách, hàng hóa, thư tín để lấy tiền hoặc cho thuê.

### **2.12. Thành viên tổ bay.**

1. Tổ bay bao gồm những người được người khai thác tàu bay chỉ định để thực hiện nhiệm vụ trong chuyến bay.

2. Thành phần tổ bay bao gồm tổ lái, tiếp viên hàng không và các nhân viên hàng không khác theo yêu cầu thực hiện chuyến bay.

### **2.13. Tổ lái.**

1. Thành viên tổ lái là người thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, bao gồm lái chính, lái phụ và nhân viên hàng không khác phù hợp với loại tàu bay.

2. Tàu bay chỉ được phép thực hiện chuyến bay khi có đủ thành phần tổ lái theo quy định của pháp luật quốc gia đăng ký tàu bay hoặc quốc gia của người khai thác tàu bay.

### **2.15. Người chỉ huy tàu bay**

1. Người chỉ huy tàu bay là thành viên tổ lái được người khai thác tàu bay chỉ định cho một chuyến bay; đối với hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại thì do chủ sở hữu tàu bay chỉ định.

2. Người chỉ huy tàu bay có quyền cao nhất trong tàu bay, chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không cho tàu bay, người và tài sản trong tàu bay trong thời gian tàu bay đang bay.

Tàu bay được coi là đang bay kể từ thời điểm mà tất cả các cánh cửa ngoài được đóng lại sau khi hoàn thành xếp tải đến thời điểm mà bất kỳ cửa ngoài nào được mở ra để dỡ tải; trong trường hợp hạ cánh bắt buộc, tàu bay được coi là đang bay cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm nhận trách nhiệm đối với tàu bay, người và tài sản trong tàu bay.

**2.16. Tàu bay,** trong Tiêu chuẩn này, được hiểu là tàu bay dân dụng nước ngoài

thực hiện khai thác vận tải thương mại.

### 3. Các chữ viết tắt

AD	Thông báo kỹ thuật bắt buộc	<b>Airworthiness Directive</b>
ACAS	Hệ thống cảnh báo chống va chạm trên không	<b>Airborne Collision Avoidance System</b>
AMM	Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng tàu bay	<b>Aircraft Maintenance Manual</b>
AFM	Tài liệu hướng dẫn bay	<b>Aeroplane Flight Manual</b>
AOC	Giấy chứng nhận người khai thác	<b>Air Operator Certificate</b>
APU	Động cơ phụ	<b>Auxiliary Power Unite</b>
ATPL	Bằng lái vận tải hàng không	<b>Airline Transport Pilot License</b>
CDL	Danh mục thay đổi trạng thái các hệ thống	<b>Configuration Deviation List</b>
CPL	Bằng lái thương mại	<b>Commercial Pilot License</b>
CRM	Quản lý nguồn nhân lực tổ bay	<b>Crew Resource Management</b>
ELT	Thiết bị tự động phát tín hiệu định vị khẩn nguy	<b>Emergency Locator Transmitter</b>
FCOM	Tài liệu Hướng dẫn khai thác dùng cho Tổ lái	<b>Flight Crew Operation Manual</b>
GPWS	Thiết bị cảnh báo gần mặt đất	<b>Ground proximity Warning System</b>
MEL	Danh mục thiết bị tối thiểu	<b>Minimum Equipment List</b>
MME	Giải trình điều hành bảo dưỡng	<b>Maintenance Management Exposition</b>
MMEL	Danh mục thiết bị tối thiểu gốc	<b>Master Minimum Equipment List</b>
OM	Tài liệu Hướng dẫn khai thác	<b>Operation Manual</b>



QRH	Sách tra cứu nhanh	<b>Quick Reference Handbook</b>
SB	Thông báo kỹ thuật	<b>Service Bulletin</b>
SOP	Phương thức khai thác tiêu chuẩn	<b>Standard Operating Procedures</b>

#### **4. Yêu cầu việc tuân thủ các quy định về an toàn đối với tàu bay nước ngoài**

**4.1** Tiêu chuẩn này được ban hành dựa trên cơ sở các quy định của Luật hàng không dân dụng Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền không phận quốc gia của Việt Nam và các quyền của hàng không dân dụng, tăng cường công tác thanh tra và giám sát tàu bay dân dụng nước ngoài bay đi/ đến lãnh thổ Việt Nam, và phù hợp với các quy định về an toàn đối với hoạt động khai thác bay vận tải thương mại.

**4.2** Bất cứ tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, các quy định quản lý vùng trời đối với tàu bay dân dụng tại Việt Nam và phù hợp với các quy định về khai thác tàu bay vận tải thương mại nêu tại Phụ ước 6, Công ước Chicago 1944 về hàng không dân dụng quốc tế và phải chịu sự thanh tra theo quy định của tiêu chuẩn này.

### **CHƯƠNG B – CÁC YÊU CẦU BẮT BUỘC**

1. Người khai thác tàu bay dân dụng nước ngoài khi bay vào lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các phương thức khai thác bay của Việt Nam do Bộ Giao thông vận tải phê chuẩn, tiến hành hoạt động khai thác bay phù hợp với phương thức khai thác bay đó và các quy định có liên quan trong Công ước hàng không dân dụng quốc tế.

Các thông tin liên quan sau đây phải được cung cấp cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu gần nhất trước khi bay vào lãnh thổ Việt Nam :

- a) Tàu bay dự kiến sử dụng (loại, quốc tịch và dấu hiệu đăng ký);
- b) Sân bay dự kiến sử dụng (sân bay cất cánh, hạ cánh và dự phòng);
- c) Đường bay dự kiến;

d) Tuân thủ các quy tắc bay và thực hành khai thác bay đã được Việt Nam công bố nhằm ngăn ngừa những va chạm giữa tàu bay nước ngoài và các tàu bay khác.

2. Dấu hiệu đăng ký Quốc tịch tàu bay và đặc điểm nhận dạng của tàu bay dân dụng nước ngoài khi bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được chỉ rõ và chính xác ở ngoài bề mặt của tàu bay phù hợp với yêu cầu của nhà chức trách hàng không của quốc gia mà tàu bay được đăng ký.

3. Tàu bay dân dụng nước ngoài khi bay vào lãnh thổ Việt Nam phải tiến hành hoạt động khai thác phù hợp với tài liệu hướng dẫn khai thác bay, tài liệu hướng dẫn bay và phù hợp với các loại hình khai thác, phạm vi sử dụng và các giới hạn quy định trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay.

4. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị các thiết bị phù hợp với loại hình khai thác bay đã được phê chuẩn và phù hợp với vùng trời đã được xác định và phải đảm bảo rằng các thiết bị đó hoạt động trong điều kiện bình thường.

5. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được bảo dưỡng bởi tổ chức bảo dưỡng đã được quốc gia đăng ký tàu bay phê chuẩn và phù hợp với chương trình bảo dưỡng, kế hoạch và tài liệu bảo dưỡng được phê chuẩn.

6. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các chỉ lệnh đủ điều kiện bay và các yêu cầu về duy trì tiêu chuẩn đủ điều kiện bay phù hợp với loại tàu bay đó theo quy định của nhà chức trách của quốc gia mà tàu bay đó được đăng ký.

## **CHƯƠNG C – TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN MANG THEO TÀU BAY**

1. Giấy tờ, chứng chỉ phải mang theo tàu bay

Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải mang theo các giấy tờ, chứng chỉ (giấy chứng nhận) sau đây:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay còn hiệu lực;
- b) Giấy chứng nhận bảo hiểm cho người thứ ba còn hiệu lực;
- c) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay hoặc bản sao có xác nhận của giấy chứng nhận này;

- d) Giấy chứng nhận tiếng ồn (nếu áp dụng);
- e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do quốc gia mà tàu bay đó được đăng ký cấp;
- f) Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến do quốc gia mà tàu bay đó đăng ký cấp;
- g) Nếu tàu bay chở khách, phải có danh sách, tên và nơi đi nơi đến của hàng khách;
- h) Nếu tàu bay đó chở hàng, phải có bản kê khai hàng hóa và tờ khai chi tiết hàng hóa đó.

## 2. Tài liệu phải mang theo tàu bay

Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải mang theo tài liệu hướng dẫn và dữ liệu được nhà chức trách hàng không của quốc gia mà tàu bay đó được đăng ký chấp thuận hoặc phê chuẩn:

- a) Tài liệu hướng dẫn bay (AFM);
- b) Tài liệu hướng dẫn khai thác bay (FCOM(OM), FOM, SOP, Tài liệu về đường bay và sân bay);
- c) Sổ tay tra cứu nhanh (QRH);
- d) Danh mục thiết bị tối thiểu (MEL), danh mục sai lệch cấu hình (CDL).

3. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải mang theo Nhật ký kỹ thuật bản chính thức được nhà chức trách hàng không của quốc gia mà tàu bay đó được đăng ký chấp thuận hoặc được phê chuẩn, Nhật ký kỹ thuật đó được cơ trưởng hoặc cá nhân có trách nhiệm khác hoàn thành và ký xác nhận phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải mang theo bản gốc chứng chỉ xác nhận hoàn thành bảo dưỡng và xác nhận tàu bay đủ điều kiện bay được cá nhân có thẩm quyền theo quy định và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của tàu bay đó hoàn thành và được ký xác nhận.

4. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam, vào cơ sở bảo dưỡng tàu bay hoặc vào căn cứ khai thác tàu bay trong lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị tài liệu bảo dưỡng đầy đủ theo quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG D – PHƯƠNG TIỆN VÀ THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRÊN TÀU BAY**

1. Ngoài quy định bổ sung vào số lượng trang bị và thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đối với việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, tàu bay dân dụng nước ngoài khi bay vào lãnh thổ Việt Nam phải lắp đặt các thiết bị liên lạc và dẫn đường theo quy định trong Phụ ước 6, phần I, Công ước hàng không dân dụng quốc tế về quy chế liên quan tới đường bay, đường lặn, đường cất hạ cánh và điều kiện sân bay dự phòng.

2. Ngoài quy định tại mục (1) nêu trên của chương này, tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị các trang thiết bị như sau:

- a) Hệ thống hiển thị sườn ẩm không tốc;
- b) Hệ thống phát đáp tín hiệu đối với kiểm soát không lưu;
- c) Radar thời tiết của tàu bay;
- d) Hệ thống cảnh báo độ cao gần mặt đất;
- e) Thiết bị cảnh báo tốc độ bằng lời;
- f) Thiết bị hoặc hệ thống cảnh báo độ cao;
- g) Thiết bị ngăn ngừa hoặc phá đóng băng;
- h) Thiết bị cảnh báo càng hạ cánh bằng lời;
- i) Hệ thống tránh va chạm và cảnh báo trên không;

3. Vật liệu của các vách ngăn bên trong tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu chịu lửa và chống cháy.

4. Tất cả thông tin để cảnh báo, nhắc nhở, thông báo và hướng dẫn cho hành khách trên tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được sử dụng bằng tiếng Anh.

5. Mỗi buồng vệ sinh trong tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị hệ thống báo khói và một bình cứu hỏa xách tay cho mỗi thùng đựng giấy và rác thải đặt tại buồng vệ sinh. Bình cứu hỏa xách tay được lắp đặt trong buồng vệ sinh phải được thiết kế để có thể tự động dập lửa khi có sự cố xảy ra.

6. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị hệ thống phát thanh công cộng đã được phê chuẩn và hệ thống đàm thoại nội bộ của tổ bay.

7. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị đủ oxy bổ sung cho mỗi hành khách và phi hành đoàn sử dụng khi cần thiết, khi giảm

thấp độ cao khẩn cấp và cấp cứu y tế.

8. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị thiết bị thở trong buồng lái có thể bảo vệ cho tổ bay khi cần thiết.

9. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị cửa khẩn cấp, cửa thoát khẩn cấp và lối đi phải đáp ứng các yêu cầu thích hợp.

10. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được trang bị các thiết bị khẩn cấp và thiết bị cứu sinh, Danh mục chứa đựng loại và số lượng thiết bị cứu sinh và khẩn cấp bao gồm:

- a) Bình cứu hỏa xách tay.
- b) Thiết bị oxy xách tay.
- c) Đèn nháy nháy khẩn cấp.
- d) Túi thuốc và dụng cụ cấp cứu.
- e) Rìu hoặc búa.
- f) Các dấu hiệu thoát hiểm gần mặt sàn.
- g) Loa cầm tay trong trường hợp thoát hiểm khẩn cấp.
- h) Áo phao, thuyền phao khi khai thác trên biển.
- i) Tối thiểu phải có 02 thiết bị phát tín hiệu định vị khẩn nguy trong đó phải có 01 thiết bị tự động phát tín hiệu khẩn nguy và phải được cài đặt tần số 243MHz và 406MHz theo quy định của ICAO.

Số lượng và chức năng có liên quan tới các thiết bị khẩn nguy và cứu sinh phải đáp ứng các yêu cầu của nhà chức trách hàng không của quốc gia đăng ký tàu bay hoặc phù hợp quy định nêu trong Phụ ước 6, phần 1, Công ước hàng không dân dụng quốc tế.

11. Trong quá trình cất, hạ cánh và khai thác tất cả hành lý và hành hóa trong khoang hành khách tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được chằng buộc cố định một cách chắc chắn và an toàn.

12. Tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam phải được lắp đặt thiết bị ghi dữ liệu bay, thiết bị ghi âm buồng lái phù hợp các yêu cầu nêu trong Phụ ước 6, phần I, Công ước hàng không dân dụng quốc tế và các yêu cầu của nhà chức trách hàng không của quốc gia mà tàu bay được đăng ký.

## CHƯƠNG E – BÁO CÁO SỰ CỐ VÀ TAI NẠN

1. Người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm trên chuyến bay của tàu bay dân dụng nước ngoài bay vào lãnh thổ Việt Nam hoặc bất kỳ cá nhân nào liên quan đều phải báo cáo Cảng vụ Hàng không khu vực gần nhất về tình trạng của bất cứ sự cố nghiêm trọng nào nêu trong Tài liệu về báo cáo sự cố và tai nạn (DOC 9156 của ICAO) có thể gây mất an toàn hàng không. Báo cáo phải chứa đựng các thông tin sau (nội dung của báo cáo phải được viết bằng tiếng Anh và chữ in hoa):

- a) Thời gian xảy ra sự cố.
- b) Nơi xảy ra sự cố.
- c) Loại tàu bay.
- d) Quốc tịch và dấu hiệu đăng ký tàu bay.
- e) Chặng bay.
- f) Tình trạng chính của sự cố.

2. Thời hạn báo cáo phải thực hiện trong vòng 72 giờ:

## CHƯƠNG F – THANH TRA, KIỂM TRA

### 1. Chương trình kiểm tra

1.1 Cục Hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, giám sát đối với:

- a) Các hoạt động của người khai thác tàu bay nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam; và
- b) Có các biện pháp thích hợp nhằm mục đích đảm bảo an toàn;

1.2 Chương trình kiểm tra bao gồm các hoạt động kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với người khai thác tàu bay nước ngoài.

1.3 Người khai thác tàu bay nước ngoài và nhân viên của người khai thác tàu bay nước ngoài phải cho phép và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kiểm tra này nhằm đảm bảo công tác kiểm tra phải được hoàn tất trong khoảng thời gian hợp lý.

### 2. Thẩm quyền kiểm tra

2.1 Tại mọi thời điểm và không cần phải được báo trước, cơ trưởng và phi hành đoàn phải cho phép Giám sát viên được Cục hàng không Việt Nam ủy quyền (sau đây được gọi là Giám sát viên được ủy quyền) thực hiện những việc sau:

- a) Lên tàu bay nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; và
- b) Kiểm tra các giấy phép và tài liệu hướng dẫn được yêu cầu tại Phần này

- và các Phụ ước liên quan của Công ước quốc tế về hàng không dân dụng.
- c) Tiến hành kiểm tra tàu bay và trọng tải thương mại của tàu bay.

2.2 Không ai được cố tình cản trở hoặc ngăn chặn Giám sát viên được ủy quyền tiếp cận tới các khu vực cần thiết trên tàu bay để tiến hành việc kiểm tra này.

2.3 Nếu người có trách nhiệm đối với tàu bay không cho phép tiến hành kiểm tra thì Giám sát viên được ủy quyền có thể áp dụng các biện pháp chế tài hoặc tạm giữ đối với:

- a) Tàu bay;
- b) Thành viên tổ bay;
- c) Hành khách;
- d) Hàng hoá.

### **3. Cung cấp tài liệu cho việc kiểm tra**

3.1 Khi được yêu cầu, người có trách nhiệm đối với tàu bay phải cung cấp cho Giám sát viên được ủy quyền các tài liệu hướng dẫn, các hồ sơ qui định nêu trong Tiêu chuẩn này và trong các Tiêu chuẩn và khuyến nghị thực hành của Công ước quốc tế về hàng không dân dụng.

3.2 Trong khoảng thời gian thích hợp, sau khi nhận được yêu cầu của Giám sát viên được ủy quyền, các cá nhân có liên quan phải cung cấp giấy phép, chứng chỉ, tài liệu liên quan đến công tác kiểm tra.

3.3 Khoảng thời gian thích hợp cho việc cung cấp tài liệu theo yêu cầu là:

- a) 01 giờ trước giờ dự định cất cánh hoặc sau khi hạ cánh:
  - (i) Giấy phép của nhân viên hàng không mang theo khi làm nhiệm vụ; hoặc
  - (ii) Các loại giấy phép, chứng chỉ để trên tàu bay trong chuyến bay
- b) Trong thời gian làm việc thông thường, các tài liệu được yêu cầu:
  - (i) Phải được hoàn tất và lưu trữ tại sân bay; hoặc
  - (ii) Phải được hoàn tất và lưu trữ tại cơ sở quản lý chính; hoặc
  - (iii) Lưu trữ tại nơi thích hợp.

### **4. Lưu trữ báo cáo, tài liệu và hồ sơ**

4.1 Tất cả các báo cáo và tài liệu phát sinh, nếu có, trong quá trình thực hiện các yêu cầu của Tiêu chuẩn này phải được lưu trữ đúng thời gian, phù hợp với các phương thức và bao gồm các dữ thông tin theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam.

4.2 Nhân viên được phân công bảo quản các tài liệu, hồ sơ lưu trữ phải tiếp tục bảo quản các tài liệu và hồ sơ đó cho tới khi trách nhiệm được chuyển giao cho người khác được phân công thay thế.

4.3 Nếu tàu bay của người khai thác tàu bay nước ngoài được trang bị máy tự

ghi tham số bay thì tham số gốc đã được ghi phải được bảo quản tối thiểu là 60 ngày sau khi có tai nạn hoặc sự cố tại Việt Nam liên quan tới tàu bay của nhà khai thác tàu bay nước ngoài đó, trừ khi có hướng dẫn khác của Cục hàng không Việt Nam.

## **5. Tàu bay không đủ điều kiện hoặc thành viên tổ bay không đủ tiêu chuẩn**

5.1 Người chỉ huy tàu bay và người khai thác tàu bay phải đảm bảo:

- a) Tàu bay được khai thác phù hợp với các giới hạn được phê chuẩn trong AOC và các tài liệu liên quan;
- b) Các thành viên tổ bay phải được phê chuẩn phù hợp với các yêu cầu tối thiểu cho khai thác bay; và
- c) Tàu bay được khai thác trong phạm vi giới hạn áp dụng đối với cấu trúc, tính năng hoạt động, trọng tâm và trọng tải.

5.2 Khi các yêu cầu nêu tại khoản (5.1) nêu trên không được đáp ứng, Cục HKVN có thể ban hành Chỉ lệnh dừng bay.

5.3 Trong trường hợp người chỉ huy tàu bay hoặc người khai thác tàu bay nước ngoài không tuân thủ theo lệnh cấm bay, tàu bay và/hoặc tổ lái sẽ bị tạm giữ và sẽ chịu sự điều chỉnh theo các quy định của nhà chức trách địa phương có thẩm quyền nơi tàu bay đang khai thác.

## **6. Thông báo việc không phù hợp**

6.1 Cục Hàng không Việt Nam sẽ thông báo cho người khai thác tàu bay nước ngoài khi nhận biết các trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ về việc không tuân thủ của người khai thác tàu bay nước ngoài hoặc nhân viên của họ đối với:

- a) Các quy định quan trọng về an toàn
- b) Các tiêu chuẩn tại Phụ ước 6 phần I của Công ước hàng không dân dụng quốc tế ; hoặc
- c) Luật pháp, quy chế an toàn và các quy trình áp dụng trong phạm vi lãnh thổ hoặc không phận của Việt Nam

6.2 Nếu bị xử phạt hoặc chế tài vì tính chất nghiêm trọng của sự cố, Cục hàng không Việt Nam sẽ thông báo cho:

- a) Quốc gia khai thác tàu bay; và
- b) Quốc gia đăng ký tàu bay, nếu vấn đề an toàn nằm trong phạm vi trách nhiệm của quốc gia đó.

6.3 Nếu phải áp dụng biện pháp chế tài đối với những vi phạm về an toàn, Cục HKVN sẽ liên lạc với Quốc gia khai thác tàu bay hoặc Quốc gia đăng ký tàu bay về tiêu chuẩn an toàn đang được áp dụng của hãng hàng không đó.



**PHỤ LỤC 1: PHÂN LOẠI CÁC PHÁT HIỆN CHƯA PHÙ HỢP**

Danh mục kiểm tra		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>A</b>	<b>Buồng lái</b>			
<b>1</b>	<b>Tình trạng chung</b>	Bắn và lộn xộn	Các cầu chì kéo giật không tiếp xúc tốt.  Gia cố cửa chống đạn buồng lái không được lắp đặt.	Không được cố định (ví dụ hàng hóa, hành lý).  Các vị trí ngồi của tổ lái không thể sử dụng được.
<b>2</b>	<b>Lối thoát khẩn cấp</b>			Không có các lối thoát khẩn nguy.  Tất cả các lối thoát khẩn nguy không hoạt động và MEL không có giới hạn áp dụng.
<b>3</b>	<b>Thiết bị</b> Thiết bị cảnh báo gần mặt đất (GPWS)  Thiết bị cảnh báo chống va chạm trên không (TCAS/ACAS)		GPWS không có chức năng cảnh báo tránh địa hình.  Thiết bị TCAS/ACAS của tàu bay không phù hợp theo quy định (TCAS/ACAS II)  Tàu bay khai thác trong vùng trời RNAV nhưng không có phê chuẩn	Không lắp đặt GPWS  Tàu bay khai thác trong vùng trời RVSM nhưng không có phê chuẩn.
<b>4</b>	<b>Tài liệu</b>			
	Các tài liệu hướng dẫn		Không đầy đủ nhưng việc tính toán có thể thực hiện được	Không có trên tàu bay và không thể thực hiện được việc tính toán

	Tài liệu hướng dẫn bay  Tài liệu hướng dẫn khai thác		Không có trên tàu bay hoặc chỉ có số liệu trong thiết bị điện tử (máy tính cá nhân /CD)  Không đầy đủ theo quy định tại phụ lục II của Annex 6	
<b>5</b>	<b>Các danh mục kiểm tra</b>		Không sẵn sàng hoặc không rõ ràng để có thể sử dụng được.  Không giống phiên bản trong Tài liệu hướng dẫn khai thác.  Danh mục kiểm tra không phù hợp đối với loại tàu bay.	Không có trên tàu bay, không thể đọc hoặc lái trưởng và lái phụ sử dụng các bản khác nhau.
<b>6</b>	<b>Các sơ đồ dẫn đường vô tuyến</b>	Không nằm trong tầm kiểm soát	Các sơ đồ dẫn đường:  Các sơ đồ hiện tại bị hết hạn  Các dữ liệu dẫn đường bị quá hạn nhưng các sơ đồ được cập nhật	Các sơ đồ dẫn đường:  Không có trên tàu bay  Sơ đồ tiếp cận bằng thiết bị quá hạn  Các dữ liệu dẫn đường và các sơ đồ dẫn đường quan trọng bị quá hạn  Các dữ liệu dẫn đường không còn hiệu lực và không có MEL để tra cứu hoặc không tuân thủ theo quy định trong MEL

7	<b>Danh mục thiết bị tối thiểu cho phép cất cánh</b>	Nội dung MEL không phản ánh đầy đủ thiết bị của tàu bay	MEL không có trên tàu bay hoặc sử dụng bằng thiết bị điện tử nhưng không có các hồng hóc  MEL không được phê chuẩn  Phiên bản MEL quy định thấp hơn với phiên bản của MMEL  Sử dụng MMEL thay thế MEL nhưng không có các hồng hóc	MEL không có trên tàu bay cùng với các hồng hóc  Sử dụng MMEL thay thế MEL cùng với các hồng hóc
8	<b>Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay</b>	Không phải bản chính thức	Không có trên tàu bay  Không dịch sang tiếng Anh	
9	<b>Giấy chứng nhận tiếng ồn tàu bay</b>	Không có trên tàu bay		
10	<b>Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC) hoặc tương đương</b>		Không chính xác ( hết hạn, không đúng với loại hình khai thác/đường bay, không đúng loại tàu bay hoặc nhà vận chuyển...)	
11	<b>Giấy phép thiết bị vô tuyến trên tàu bay</b>	Không phải bản chính thức	Không có trên tàu bay  Không phù hợp với thiết bị được lắp đặt	
12	<b>Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay</b>		Không phải bản chính thức  Không được dịch sang tiếng Anh	Không có trên tàu bay  Hết hạn
	<b><i>Dữ liệu chuyển bay</i></b>			

13	<b>Chuẩn bị bay</b>	<p>Bản kế hoạch khai thác bay không được lưu giữ ở mặt đất.</p> <p>Bản kế hoạch khai thác bay không có chữ ký của người chỉ huy tàu bay</p>	<p>Các tính toán thực tế của chuyến bay nhưng các tài liệu không có thực</p> <p>Thiếu sự giám sát về dữ liệu của nhiên liệu (chuyến bay đến)</p> <p>Không nhất quán về dữ liệu giữa nhiên liệu tiêu thụ và nhiên liệu thực tế</p>	<p>Không hoặc không hoàn thiện tài liệu chuẩn bị chuyến bay (khí tượng, NOTAMs, các dữ liệu của sân bay)</p> <p>Các tính toán nhiên liệu không phù hợp với tính năng (chuyến bay khởi hành)</p> <p>Các yêu cầu về tính toán nhiên liệu không phù hợp hoặc không được cập nhật</p> <p>Tình trạng nhiên liệu bất lợi do tình trạng kỹ thuật không được xem xét</p>
14	<b>Bảng trọng lượng và cân bằng</b>		<p>Không đúng nhưng nằm trong giới hạn của tàu bay</p> <p>Không cân xứng giữa kế hoạch khai thác bay và bảng trọng lượng và cân bằng</p>	<p>Vượt quá giới hạn khai thác hoặc không chính xác</p> <p>Trọng tải và cân bằng không phù hợp hoặc không chính xác</p> <p>Bảng tải và hoặc bảng cân bằng tải không phản ánh đúng theo phân bố tải thực tế</p>
	<b>Thiết bị an toàn</b>			
15	<b>Bình cứu hỏa xách tay</b>		<p>Hết hạn</p> <p>Chằng buộc (Cố định) không đúng</p> <p>Chất liệu không phù hợp</p>	<p>Bình không có hoặc không đủ lượng quy định</p> <p>Áp suất quá thấp</p> <p>Không sử dụng được</p>

16	<b>Áo Phao/thiết bị nổi (đối với các chuyến bay trên 50 dặm cách bờ)</b>	Không thể tiếp cận trực tiếp được	Hết hạn, kể từ ngày áp dụng	Không sẵn sàng cho các thành viên tổ bay trên tàu bay
17	<b>Bộ dây thắt an toàn</b>		Dây thắt thay thế bộ dây thắt an toàn	Bộ dây thắt hoặc dây thắt an toàn không có hoặc không thể dùng được
18	<b>Thiết bị Ôxy</b>		Không tiếp xúc trực tiếp được Hướng dẫn sử dụng thực hành thiếu rõ ràng	Không đủ số lượng Ôxy  Hệ thống Oxy không sẵn sàng cho tất cả thành viên tổ bay hoặc không thể dùng được
19	<b>Đèn pin (đối với các chuyến bay khai thác ban đêm)</b>	Đèn pin cho cả hai người lái nhưng không có cho các thành viên tổ bay khác	Pin yếu hoặc tình trạng đèn kém  Chỉ có một đèn pin có thể hoạt động	Đèn pin trong buồng lái không làm việc hoặc không thể sử dụng được (hết pin)
	<i>Tổ lái</i>			
20	<b>Giấy phép hành nghề của tổ lái</b>		Mẫu hoặc nội dung không đúng với tiêu chuẩn của ICAO.  Không dịch sang tiếng Anh theo các yêu cầu của ICAO về giấy phép.  Không đúng với hiệu lực của quốc gia cấp đăng ký tàu bay.  Không nói/hiểu tiếng Anh sử dụng trong liên lạc vô tuyến điện.  Giấy phép của lái chính không đề cập đến ATPL, nhưng có năng định lái chính.  Không đề cập đến việc giám định sức khỏe.	Năng định loại tàu bay không còn hiệu lực.  Tổ lái không có năng định loại.  Không có trên tàu bay.  Giấy chứng nhận sức khỏe không phải loại I theo ICAO hoặc hết hạn.  Không có kính dự phòng nếu phải đeo kính.

21	<b>Nhật ký hành trình hoặc nhật ký kỹ thuật</b>	Có trên tàu bay nhưng ghi chép không rõ ràng	Có trên tàu bay nhưng ghi chép không đầy đủ	Không có trên tàu bay hoặc không có tài liệu tương đương
22	<b>Xác nhận hoàn thành bảo dưỡng</b>			Quá hạn hoặc không có thời hạn
23	<b>Thông báo về hỏng hóc và sửa chữa (trong nhật ký kỹ thuật)</b>	Có trên tàu bay nhưng không được xem xét  Các hỏng hóc nhỏ không được thông báo	Các vết lõm và hư hại về cấu trúc không được thông báo  Không có bằng chứng của việc theo dõi các hư hại nằm trong giới hạn (ví dụ: kính chắn gió, bóc tách (phân lớp)  Việc sửa chữa không phù hợp.  Có ghi chép trong nhật ký kỹ thuật nhưng lái chính không thể hiểu được	Các hỏng hóc lớn không được thông báo thời hạn hiệu lực cuối cùng  Các hỏng hóc liên quan đến an toàn và không có MEL/CDL
4	<b>Kiểm tra trước khi bay</b>	Có trên tàu bay nhưng không đầy đủ	Không ký, hoặc thực hiện không rõ ràng trước chuyến bay	Không ký, hoặc thực hiện không rõ ràng trước khi khởi hành
B	<b>An toàn/khoang khách</b>			
1	<b>Tình trạng chung ở bên trong</b>	Bẩn, lộn xộn và trong tình trạng kém	Thảm bị bong ra Tấm sàn bị bong hoặc hư hại	Các lối đi bị cản trở không thể thực hiện được nhiệm vụ bình thường và đột xuất  Thảm bị bong gây cản trở tiếp viên trong khi thực hiện nhiệm vụ  Ngăn đưng hành lý không thể sử dụng được và không ghi rõ trọng lượng tối đa của các ngăn đưng hành lý

2	<b>Vị trí của tiếp viên và khu vực nghỉ ngơi của thành viên tổ bay</b>	Dây đeo hoặc cài khóa bị mòn không dùng được hoặc bị hỏng	Dây thắt thay thế bộ dây thắt an toàn  Ghế ngồi của tiếp viên không đúng vị trí	Ghế ngồi không sẵn sàng so với yêu cầu tối thiểu về số lượng tiếp viên, ở vị trí thu ghế của tiếp viên không được ngăn cản lối thoát hiểm  Thiết bị liên lạc, bộ dây thắt hoặc dây thắt an toàn không sẵn sàng hoặc không sử dụng được
3	<b>Hộp sơ cứu/hộp cấp cứu</b>	Không có tại vị trí được đánh dấu		Không sẵn sàng và không có hạn kiểm tra các hộp sơ cứu/cấp cứu
4	<b>Bình cứu hỏa xách tay</b>	Không thể tiếp cận trực tiếp	Hết hạn, kể từ khi áp dụng  Chằng buộc không đúng  Không đúng chất	Bình không, áp suất quá thấp hoặc thiếu  số lượng bình không đáp ứng theo quy định  Bình cứu hỏa không sẵn sàng hoặc không thể sử dụng được
5	<b>Áo phao/ thiết bị nổi (đối với chuyến bay trên biển)</b>	Không thể tiếp cận trực tiếp	Hết hạn, kể từ khi áp dụng  Ngày tháng không rõ ràng	Không sẵn sàng cho mỗi người trên tàu bay và không đủ số lượng theo yêu cầu
6	<b>Dây an toàn</b>	Dây đeo hoặc cài khóa bị mòn không dùng được hoặc bị hỏng		dây thắt an toàn không sẵn sàng hoặc không sử dụng được  Ghế ngồi không thể sử dụng được và không nhận biết được

7	<b>Đèn, đánh dấu và lối thoát khẩn nguy, đèn pin</b>	Ánh sáng không đủ tại các vị trí làm việc của tiếp viên	<p>Một số tín hiệu lối thoát khẩn nguy bị hỏng hoặc cường độ sáng của đèn yếu.</p> <p>Không có hệ thống chiếu sáng đường dẫn thoát hiểm.</p> <p>Không đủ số lượng đèn pin (đối với tàu bay khai thác ban đêm).</p> <p>Các đèn pin đặt không đúng vị trí (đối với tàu bay khai thác ban đêm).</p> <p>Pin (ắc quy) bị hết hoặc yếu (đối với tàu bay khai thác ban đêm)</p>	
8	<b>Máng trượt /thuyền phao (theo quy định đối với chuyến bay trên biển)</b>	<p>Vị trí của máng trượt/thuyền phao không phù hợp.</p> <p>Không đủ số lượng thiết bị định vị khẩn nguy.</p> <p>Thiết bị định vị khẩn nguy không phát theo tần số 406 Mhz</p>	<p>Máng trượt/Thuyền phao lắp đặt không đúng.</p> <p>Thiết bị định vị khẩn nguy không được lắp đặt</p>	<p>Không đủ số lượng máng trượt/thuyền phao.</p> <p>Máng trượt/thuyền phao không sử dụng được</p>
9	<b>Cung cấp oxy (cho tiếp viên và hành khách)</b>		Thiết bị cung cấp oxy không thể tự động triển khai (Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay sau 09/10/1998, chuyến bay trên 25000ft)	Không đủ số lượng Ô xy hoặc không đủ mặt nạ oxy cho hành khách và các thành viên tổ bay, đối với các chuyến bay được thực hiện mục bay trên 100
10	<b>Hướng dẫn an toàn (Bảng chỉ dẫn tàu bay - ABC)</b>	Không đủ hướng dẫn an toàn cho tất cả hành khách trên tàu bay	Một số thông tin bị thiếu hoặc không chính xác	<p>Không có bảng hướng dẫn trên tàu bay.</p> <p>Bảng hướng dẫn không phù hợp với loại tàu bay</p>



11	<b>Tổ tiếp viên</b>		Mức độ thành thạo công việc chưa tốt nhưng hoàn thành nhiệm vụ	Số lượng tiếp viên không đủ. Nạp nhiên liệu khi có hành khách trên tàu bay nhưng không tuân thủ các quy trình đã được phê chuẩn.
12	<b>Lỗi vào các cửa thoát hiểm</b>			Lỗi vào các cửa thoát hiểm bị ngăn cản do hành lý, hàng hóa. Bị ngăn cản do ghế hành khách (tổng số hàng, lưng ghế, bàn gấp)
13	<b>An toàn hành lý của hành khách</b>			Kích cỡ, số lượng và trọng lượng của hành lý được sắp xếp có thể gây rủi ro mất an toàn. Không được buộc chặt xếp gọn, các vật cứng hoặc nặng trong ngăn đựng hành lý để mở. Hành lý để dưới ghế nhưng không có thanh chặn.
14	<b>Số lượng ghế hành khách</b>			Nhiều hơn số lượng đã được cấp chứng chỉ (Tài liệu hướng dẫn khai thác). Không đủ số ghế cho tất cả hành khách trên tàu bay. Cảng bệnh nhân không được chằng buộc an toàn.

C	Tình trạng tàu bay			
1	<b>Tình trạng chung bên ngoài</b>	Các hỏng hóc nhỏ ảnh hưởng đến an toàn như: Hư hại sơn; Tàu bay quá bẩn ảnh hưởng đến việc kiểm tra tàu bay.	Hệ thống chống đóng băng ở tình trạng hoạt động kém.  Các hỏng hóc quan trọng ảnh hưởng đến an toàn như: Các decal thông báo, cảnh báo bị mòn không đọc được; Các vị trí đánh dấu phá thoát hiểm bị mờ hoặc đánh dấu không đúng (nếu áp dụng).	Các đèn bị vỡ ngoài giới hạn của MEL  Không đủ chống đóng băng
2	<b>Cửa và cửa hầm</b>	Hỏng hóc nhỏ nhưng có thể làm việc	Hướng dẫn vận hành cửa bị mất hoặc không rõ ràng.  Thiếu bôi trơn	Không hoạt động và không tương ứng với số lượng hành khách.  Mặt kính của cửa sổ kiểm tra xác nhận cửa buồng hàng đã được khóa bị mờ.  Các hư hại vượt quá MEL, SRM.
3	<b>Hệ thống và các tấm điều khiển</b>	Các hỏng hóc nhỏ	Tình trạng kém (hư hại, bị trầy, lung lay, không được bôi trơn, bị tuột).	Hư hại, bị mòn, chảy dầu hoặc vỡ bên ngoài vượt quá giới hạn MEL, MAI, SRM.
4	<b>Bánh và lốp</b>	Các hỏng hóc nhỏ như: Mất chốt hiển thị độ mòn của phanh	Có dấu hiệu áp suất lốp không đủ, áp suất lốp không đúng, các má phanh các bon bị mòn và rách bất thường.	Lốp bị mòn hoặc bị hư hại vượt quá giới hạn. Áp suất lốp vượt quá giới hạn, phanh bị mòn, chảy dầu hoặc hư hại vượt quá giới hạn, các chi tiết bị hư hại hoặc bị mất (ví dụ ốc bánh xe, truyền cảm).

5	<b>Buồng càn</b>	Hồng hóc nhẹ như: Mất dây tiếp mát; Quá nhiều mỡ.  Mất hoặc thiếu khóa chốt an toàn	Các dấu hiệu nghiêm trọng của chảy dầu, rỉ sét và thiếu bôi trơn.  Dây và ống kim loại bị trầy xước.  Dấu hiệu và biển hiệu bị mất hoặc không đọc được.	Bị hư hại, rỉ sét, mất các bộ phận và/hoặc chảy dầu vượt quá giới hạn.
6	<b>Tang trống</b>	Hồng hóc nhẹ như:  Thiếu chất bảo vệ chống ăn mòn, hư hại do vật ngoại lai hoặc bị bắn.	Các dấu hiệu rò rỉ, rỉ sét và thiếu bôi trơn	Bị hư hại, rỉ sét lớn, rò rỉ vượt quá giới hạn
7	<b>Động cơ và giá treo</b>	hồng hóc nhẹ như:  Mất chốt và đinh tán; Các tấm lá không trùng khít, phẳng.  Các tay mở không thu hết vào.	Vỏ bọc bị hỏng.  Các vết lõm và nứt trong khu vực ống xả trong giới hạn, nhưng không được ghi và số nhật ký kỹ thuật hoặc tài liệu liên quan.  Có dấu hiệu rò rỉ dầu nhờn và nhiên liệu  Mòn và rách trong lớn trong miệng hút và khu vực ống xả.	Bị hư hại (mẻ, lõm, nứt) vượt quá giới hạn AMM, MEL SRM);  Rò rỉ từ nắp động cơ và ống dẫn vượt quá giới hạn;  Bộ đảo chiều lực đẩy/cửa đổi chiều không thu hết
8	<b>Lá nén</b>	Hồng hóc nhẹ	Hồng hóc nhẹ trong giới hạn nhưng không ghi vào Sổ nhật ký kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương	Bị hư hại (mẻ, lõm, nứt) vượt quá giới hạn AMM, MEL SRM)
9	<b>Cánh quạt</b>	Các hồng hóc nhẹ	Hồng hóc trong giới hạn nhưng không ghi vào sổ nhật ký hoặc tài liệu tương đương	Bị hư hại (mẻ, lõm, nứt) vượt quá giới hạn AMM, MEL SRM.
10	<b>Sửa chữa</b>	Hồng hóc nhẹ	Không có thông tin về sửa chữa tạm thời, các nghi ngờ về sửa chữa trước đó, và sửa chữa một lần để đưa tàu bay về căn cứ	Thực hiện sửa chữa không đúng hoặc các sửa chữa trước đó không tuân theo số liệu đã được phê chuẩn (SRM, AMM...)

11	<b>Các hư hại không sửa chữa</b>		Hư hại nằm trong giới hạn nhưng không được ghi chép (khóa chốt và vết lõm).  Bị bong các lớp composite vì bị ăn mòn	Không đánh giá và không ghi chép các hư hại ảnh hưởng đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay. Các hỏng hóc nghiêm trọng ảnh hưởng đến an toàn như: Hư hại trong khu vực buồng kín của thân tàu bay.  Hư hại ảnh hưởng đến thùng chứa nhiên liệu
12	<b>Rò rỉ</b>	Trong giới hạn; Rò rỉ nước trong buồng vệ sinh		Rò rỉ (dầu nhờn, nhiên liệu, nước vượt quá giới hạn)
<b>D</b>	<b>Cargo</b>			
1	<b>Tình trạng chung của buồng hàng</b>	Một số đèn bị hỏng; Hỏng hóc nhẹ nhưng vẫn đảm bảo an toàn	Một số tấm lót bị hư hại. Thiếu một số đèn. Vách ngăn hoặc bảo hiểm cửa bị hư hại.	Vách ngăn bị hỏng vượt quá giới hạn AMM, MEL Cấu trúc khung bị hỏng vượt quá giới hạn. Hỏng hoặc mất hệ thống dập lửa. Khu vực khoang hàng không sử dụng đúng theo loại. Không tiếp cận vào khoang hàng. Không có lưới ngăn. Không có vách ngăn khói/rèm. Sàn bị tắc vượt quá MEL

2	<b>Hàng nguy hiểm</b>		Không có tài liệu quy định vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc tài liệu tham khảo	Không hoặc không hoàn thiện thông báo khi vận chuyển hàng nguy hiểm. Không có hướng dẫn vận chuyển hàng nguy hiểm trong tài liệu hướng dẫn khai thác, thiếu hoặc mất nhãn mác  Hàng nguy hiểm không được cố định đúng cách, không thực hiện chất xếp theo Annex 18/Doc. 9284
3	<b>An toàn về hàng hóa trên tàu bay</b>	Hỏng hóc nhẹ: Hỏng dây chằng hàng, thiết bị để chằng hàng Mâm hàng, thùng hàng và khóa	Không trang bị: Dây chằng buộc, mâm hàng/thùng hàng và khóa; Một số thùng hàng bị hư hại	Buồng hàng không được chằng néo và dẫn theo hướng dẫn (chiều ngang, dọc, và đứng), không được sắp xếp đảm bảo an toàn:  - Dây chằng - Thiết bị để chằng - Các móc khóa.  Phân bố tải/tải sàn bị vượt quá giới hạn.  Thùng hàng, mâm hàng bị hỏng hoặc lưới bị hỏng.
<b>E</b>	<b>Tình trạng chung</b>	Các phát hiện chung về hỏng hóc nhẹ liên quan đến an toàn	Các phát hiện chung hỏng hóc có ảnh hưởng đến an toàn	Các phát hiện chung về hỏng hóc nặng liên quan đến an toàn

**PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO CÁO KIỂM TRA TÀU BAY TẠI SÂN**  
**RAMP INSPECTION REPORT**  
 NR :        /        /

**Ngày tháng:****Date :****Giờ địa Phương:****Local Time :****Địa Điểm:****Place :****Nhà khai thác:****Operator :****Quốc gia:****State :****Số AOC:****AOC Number :****Đường bay: Từ****Route : From****Đường bay: đến****Route : To****Số hiệu chuyến bay:****Flight Number :****Số hiệu chuyến bay:****Flight Number :****Bay thuê chuyên****Chartered by Operator :****( where applicable)****Quốc gia****Charterer's State :****Loại tàu bay:****Aircraft Type :****Dấu hiệu đăng ký quốc  
tịch:****Registration Mark :****Sô xuất xưởng:****Construction Number:****Tổ lái: Quốc gia cấp giấy phép:****Flight crew : State of licensing :****Ghi chú:****Remarks :****Code /Standard/ Remark****Phân loại các phát  
hiện****Action taken :**CAT 3  Aircraft grounded

.....

CAT 3  Corrective actions before flight  
authorised

.....

CAT 3	<input type="checkbox"/>	Restriction on the aircraft operation	.....
CAT 2	<input type="checkbox"/>	Letter to the operator	.....
CAT 1	<input type="checkbox"/>	Information to the captain	.....

**Họ tên Thanh tra**  
**Inspector's Name :**

**Chữ ký :**  
**Signature :**

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC KIỂM TRA TÀU BAY TẠI SÂN**  
**RAMP INSPECTION CHECK-LIST**

Item	Checked	Remark
<b>A. Buồng lái</b> <b>Flight deck</b>		
1. <b>Tình trạng chung</b> General Condition.....	1 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>
2. <b>Lối thoát khẩn cấp</b> Emergency Exit.....	2 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>
3. <b>Thiết bị</b> Equipment.....	3 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>
<b>Tài liệu</b> <b>Documentation</b>		
4. Tài liệu hướng dẫn khai thác bay Manuals.....	4 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
5. Danh mục kiểm tra Checklists.....	5 <input type="checkbox"/>	5 <input type="checkbox"/>
6. Các sơ đồ dẫn đường vô tuyến Radio Navigation Charts.....	6 <input type="checkbox"/>	6 <input type="checkbox"/>
7. Danh mục thiết bị tối thiểu Minimum Equipment List.....	7 <input type="checkbox"/>	7 <input type="checkbox"/>
8. Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay Certificate of registration.....	8 <input type="checkbox"/>	8 <input type="checkbox"/>
9. Giấy chứng nhận tiếng ồn Noise Certificate ( where applicable).....	9 <input type="checkbox"/>	9 <input type="checkbox"/>
10. Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay hoặc tài liệu tương đương AOC or equivalent.....	10 <input type="checkbox"/>	10 <input type="checkbox"/>
11. Giấy phép vô tuyến Radio licence.....	11 <input type="checkbox"/>	11 <input type="checkbox"/>



12. Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay C of A.....	12	<input type="checkbox"/>	12	<input type="checkbox"/>
<b>Dữ liệu chuyến bay</b> <b>Flight Data</b>				
13. Kế hoạch khai thác bay Operational flight plan...	13.	<input type="checkbox"/>	13.	<input type="checkbox"/>
14. Phân bố tải Load distribution.....	14	<input type="checkbox"/>	14	<input type="checkbox"/>
<b>Thiết bị an toàn</b> <b>Safety Equipment</b>				
15. Bình cứu hỏa xách tay Hand fire extinguishers.....	15	<input type="checkbox"/>	15	<input type="checkbox"/>
16. Áo phao/ Thiết bị nổi Life jackets / floatation device.....	16	<input type="checkbox"/>	16	<input type="checkbox"/>
17. Dây thắt an toàn Harness.....	17	<input type="checkbox"/>	17	<input type="checkbox"/>
18. Bình (thiết bị )Ô xy Oxygen Equipment.....	18	<input type="checkbox"/>	18	<input type="checkbox"/>
19. đèn pin Flash Light.....	19	<input type="checkbox"/>	19	<input type="checkbox"/>
<b>Tổ bay</b> <b>Flight Crew</b>				
20. Tổ bay Flight crew.....	20	<input type="checkbox"/>	20	<input type="checkbox"/>
<b>Nhật ký hành trình/Nhật ký kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương</b> <b>Journey Log Book / Technical Log or equivalent</b>				
21. Nhật ký hành trình/nhật ký kỹ thuật Journey Log Book.....	21	<input type="checkbox"/>	21	<input type="checkbox"/>

22. Xác nhận hoàn thành bảo dưỡng Maintenance release.....	22	<input type="checkbox"/>	22	<input type="checkbox"/>
23. Các hỏng hóc bị trì hoãn Deferred defect rectification.....	23	<input type="checkbox"/>	23	<input type="checkbox"/>
24. Kiểm tra trước khi bay Preflight inspection.....	24	<input type="checkbox"/>	24	<input type="checkbox"/>
<b>B. An toàn/ khoang khách Safety/Cabin</b>				
1. Tình trạng chung bên trong General Internal Condition.....	1	<input type="checkbox"/>	1	<input type="checkbox"/>
2. Ghế của tiếp viên Cabin Attendant's seat.....	2	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>
3. Hộp sơ cứu/ Hộp cấp cứu ý tế khẩn nguy First Aid Kit/ Emergency/medical Kit.....	3	<input type="checkbox"/>	3	<input type="checkbox"/>
4. Bình cứu hỏa xách tay Hand fire extinguishers.....	4	<input type="checkbox"/>	4	<input type="checkbox"/>
5. Áo phao/ thiết bị nổi Life Jackets/ Floatation Device.....	5	<input type="checkbox"/>	5	<input type="checkbox"/>
6. Dây thắt an toàn Seat Belts.....	6	<input type="checkbox"/>	6	<input type="checkbox"/>
7. Lối thoát hiểm, đèn và dấu hiệu, đèn pin Emergency exit, lighting and marking, Torches.	7	<input type="checkbox"/>	7	<input type="checkbox"/>
8. Cầu trượt/ thuyền phao (nếu có yêu cầu) Slides/ Life rafts (as required ).....	8	<input type="checkbox"/>	8	<input type="checkbox"/>
9. Ô xy bổ sung (tổ bay và hành khách) Oxygen Supply ( Crew and Passengers ).....	9	<input type="checkbox"/>	9	<input type="checkbox"/>
10. Hướng dẫn an toàn Safety Instructions.....	10	<input type="checkbox"/>	10	<input type="checkbox"/>
11. Số lượng tiếp viên Sufficient number of cabin crew members.....	11	<input type="checkbox"/>	11	<input type="checkbox"/>

12. Lối vào cửa các thoát hiểm Access to emergency exits.....	12	<input type="text"/>	12	<input type="text"/>
13. An toàn đối với hành lý của hành khách Safety of passenger baggages.....	13	<input type="text"/>	13	<input type="text"/>
14. Số lượng ghế Sufficient seat capacity.....	14	<input type="text"/>	14	<input type="text"/>
<b>C. Tình trạng tàu bay Aircraft Condition</b>				
1. Tình trạng bên trong General external condition.....	1	<input type="text"/>	1	<input type="text"/>
2. Các cửa và hầm hàng Doors and hatches.....	2	<input type="text"/>	2	<input type="text"/>
3. Hệ thống điều khiển Flight controls.....	3	<input type="text"/>	3	<input type="text"/>
4. Bánh và lốp Wheels and tyres.....	4	<input type="text"/>	4	<input type="text"/>
5. Buồng càn Undercarriage.....	5	<input type="text"/>	5	<input type="text"/>
6. Tàng trống Wheel well.....	6	<input type="text"/>	6	<input type="text"/>
7. Động cơ và giá treo Intake and Exhaust nozzle.....	7	<input type="text"/>	7	<input type="text"/>
8. Lá nén Fan blades.....	8	<input type="text"/>	8	<input type="text"/>
9. Cánh quạt Propellers.....	9	<input type="text"/>	9	<input type="text"/>
10. Sửa chữa Obvious repairs.....	10	<input type="text"/>	10	<input type="text"/>

11. Các hư hại không phải sửa chữa Obvious unrepaired damage.....	11 <input type="text"/>	11 <input type="text"/>
12. Rò rỉ Leakage.....	12 <input type="text"/>	12 <input type="text"/>
<b>D. Buồng hàng                  Cargo</b>		
1. Tình trạng chung của buồng hàng General condition of cargo compartment.....	1 <input type="text"/>	1 <input type="text"/>
2. Hàng nguy hiểm Dangerous Goods.....	2 <input type="text"/>	2 <input type="text"/>
3. Chằng néo hàng hóa trong buồng hàng của tàu bay Security of cargo on board.....	3 <input type="text"/>	3 <input type="text"/>